

Số: 348 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 06 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo Kết quả thẩm định số 303/BC-HĐTĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Biên bản họp thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 156/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 51/BQL-KHTH ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 61/TTr-STNMT ngày 01 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên (sau đây được viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái (sau đây được viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại Phác, huyện Văn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Yên Phú, huyện Văn Yên; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, HS, TNMT 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CẦU ĐẠI PHÁC, HUYỆN VĂN YÊN

(Kèm theo Quyết định số: **348** /QĐ-UBND ngày **06** tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên.
- Địa điểm thực hiện: Xã Đại Phác và xã Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

1.2.1. Phạm vi của dự án

Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên nằm trên địa bàn xã Đại Phác và xã Yên Phú, huyện Văn Yên. Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 37.715,19m² (Trong đó: Diện tích đất lúa: 10.506,43m²; đất ao: 510,96m²; đất giao thông và đất sông suối 11.432,9m²; đất thổ cư 867,0m²; đất khác 14.397,9m²).

1.2.2. Quy mô của dự án

Dự án Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên được xây dựng mới cầu bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài khoảng 180m; bề rộng toàn cầu 9m (8m+2x0,5m), đường dẫn hai đầu cầu và các hạng mục phụ trợ, trong đó:

- Cầu: Thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823 - 2017 bằng bê tông và BTCT-DƯL, tuổi thọ 100 năm; tốc độ thiết kế qua cầu $V = 40$ km/h.

+ Tải trọng thiết kế HL93, tải trọng người đi bộ 0,003MPa. Tần suất thiết kế $P = 1\%$. Cầu không thiết kế khổ thông thuyền, thiết kế tĩnh không dưới cầu có cây trôi.

+ Khổ cầu thiết kế: $K = 8,0m + 2 \times 0,5m = 9,0m$ (phần xe chạy rộng $2 \times 4,0m = 8,0m$, gờ lan can hai bên rộng $2 \times 0,5m = 1m$). Tổng chiều dài cầu tính đến đuôi mố: $L_c = 170,4m$. Cầu được thiết kế gồm 04 nhịp dầm bố trí theo sơ đồ như sau: $(39,1+2 \times 40+39,1)$ m.

+ Kết cấu phần trên: Toàn cầu gồm 4 nhịp dầm super T bằng BTCT DƯL.

Các nhịp dầm super T bằng BTCT DƯL giản đơn, $L = 38,2m$, mặt cắt ngang cầu gồm 04 phiến dầm chủ đặt cách nhau $a = 2,25m$, chiều cao dầm $h = 1,75m$. Liên kết các phiến dầm bằng bản BTCT mặt cầu đổ tại chỗ dày tối thiểu 17,5cm, tổng bề rộng cầu $b = 9,0m$.

+ Kết cấu phần dưới: Mô cầu bằng BTCT dạng tường chịu lực đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $D = 1\text{m}$. Trụ cầu có cấu tạo dạng thân đặc bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $D = 1\text{m}$.

- Đường dẫn hai đầu cầu:

+ Về Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường thiết kế với $B_{\text{nền}} = 5,50\text{m} + 2 \times 1,0\text{m} + 2 \times 1,66\text{m} = 10,82\text{m}$, trong đó: Bề rộng phần xe chạy $B_{\text{xe chạy}} = 5,50\text{m}$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{gia cố}} = 2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$; Kết cấu lề gia cố giống kết cấu mặt đường. Bề rộng viên bó vỉa, rãnh dọc BTXM có tấm đập và lề đất 2 bên = $2 \times 1,66\text{m} = 3,32\text{m}$. Độ dốc ngang thiết kế của mặt đường $I_m = 2\%$; độ dốc ngang thiết kế của lề $I_{\text{lề}} = 4\%$; độ dốc thiết kế mái taluy đắp 1/1,5; độ dốc thiết kế mái taluy đào 1/1.

+ Về kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường mềm có mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} = 133\text{MPa}$.

+ Công trình thoát nước: Thiết kế vĩnh cửu với tải trọng thiết kế H30-XB80.

+ Công trình phòng hộ: Hệ thống công trình phòng hộ, an toàn giao thông trên tuyến thiết kế theo quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Các hạng mục phụ trợ khác: Di chuyển, hoàn trả hệ thống điện, mương thuỷ lợi.

1.2.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án gồm: Phần cầu (*Kết cấu phần trên cầu; kết cấu phần dưới cầu*), phần đường dẫn hai đầu cầu (*Nền đường, áo đường, công trình thoát nước, công trình phòng hộ theo QCVN 41:2019/BGTVT*) và các công trình phụ trợ gồm: bãi tập kết vật liệu (*máy trộn bê tông, tập kết vật liệu, bãi tập kết phương tiện*), lán trại công trường (*nhà điều hành, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh di động, khu vực lưu trữ chất thải rắn, chất thải nguy hại*).

- Các hoạt động của dự án gồm hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, vận hành công trình (*quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ...*).

1.3. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có sử dụng và phải chuyển đổi $10.506,43\text{m}^2$ đất trồng lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.

- Đào, đắp, san tạo mặt bằng đường dẫn, thi công phần cầu.
- Hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu; hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường thuộc khu vực dự án.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (CTNH).

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên cầu.
- Nước mưa chảy tràn.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng cầu và đường dẫn cầu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường khoảng 4,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là BOD, COD, TSS, NH₄⁺, tổng N, tổng P, tổng Coliform...

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh máy móc, dụng cụ thi công khoảng 15,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, bùn, đất...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề mặt khu vực thi công khoảng 4.924,8 m³/ngày.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề mặt toàn khu vực dự án (bao gồm phần cầu và đường dẫn hai đầu cầu) khoảng 10.800 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

3.2. Quy mô, tính chất của khí thải

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động đào đắp, san nền mặt đường, vận chuyển đất đá, nguyên, nhiên vật liệu, phương tiện, máy móc thi công giao thông ra vào khu vực dự án; trạm trộn bê tông... Thành phần chủ yếu là bụi tổng số, SO₂, NO_x, CO...

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện lưu thông trên cầu; phương tiện trong quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂,...

3.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng gồm:

+ Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Khối lượng sinh khối phát sinh trong quá trình phát dọn thực bì thành phần chủ yếu là cành, lá, rễ thực bì với khối lượng khoảng 15,9 tấn/giai đoạn.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Đá, cát, gạch vỡ, vữa, vật liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng... với khối lượng khoảng 158,16 tấn/giai đoạn xây dựng.

+ Đất đá thải: Khối lượng đất đá thải phát sinh khoảng 5.587,9 m³/giai đoạn; khối lượng đất bóc tầng đất mặt 1.578,25m³.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phục vụ dự án với khối lượng khoảng 14,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

3.3.2. Giai đoạn hoạt động: Bùn đất nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, hồ lắng; chất thải rắn phát sinh do bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa công trình...

3.4. Quy mô, tính chất của CTNH

CTNH phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng, thành phần chủ yếu là pin thải, dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ..., với khối lượng phát sinh khoảng 559 kg/giai đoạn.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông vận tải (*xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng,....*); tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (*máy đầm nén, máy xúc, xe nâng, trạm trộn bê tông...*).

3.5.2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải lưu thông trên tuyến đường, các thiết bị, máy móc duy tu, bảo dưỡng công trình.

3.6. Các tác động môi trường khác và các sự cố môi trường của dự án

3.6.1. Chiếm dụng đất lúa: Quy mô chiếm dụng và chuyển đổi đất lúa của dự án là 10.506,43m², việc chiếm dụng phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân bị chiếm dụng đất.

3.6.2. Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: Sự cố do thiên tai (*mưa bão, lũ lụt*); sự cố sạt lở, bồi lắng Ngòi Thia; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động 02 buồng, thông số kỹ thuật cơ bản của mỗi buồng là (*Dài x rộng x cao = 2,5m x 1,3m x 0,9m*), vật liệu chế tạo là composite, 02 bồn chứa nước thải dung tích 800 lít. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng: Bố trí rãnh thoát nước mưa (*kích thước rộng mặt x sâu = 0,8m x 0,6m*), trên đó có bố trí 01 hố lắng 02 ngăn gồm 1 ngăn chứa (*kích thước dài x rộng x sâu = 2m x 1,5m x 2m*) và 1 ngăn lắng cặn (*kích thước dài x rộng x sâu = 2m x 1,5m x 2m*) để lắng cặn có trong nước thải. Định kỳ hàng tuần nạo vét bùn đất và vận chuyển tới bãi thải của dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào (*kích thước rộng mặt x sâu = 0,8m x 0,6m*) dọc tuyến đường dẫn thi công. Trên tuyến rãnh thoát nước mưa được bố trí các hố ga (*kích thước dài x rộng x sâu = 1,0m x 1,0m x 0,9m*) bảo đảm 30m/01 hố, định kỳ hàng tuần tổ chức nạo vét rãnh, hố ga phục vụ đắp nền đường dẫn thi công tại chỗ.

4.1.2. Giai đoạn hoạt động: Nước mưa chảy tràn: Nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, hố ga hai bên đường và hệ thống thoát nước trên cầu đảm bảo tiêu thoát nước.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên giữ vệ sinh trong suốt thời gian thi công và hoàn trả trạng thái tự nhiên sau khi công việc hoàn tất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, khẩu trang, bịt tai cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.

- Các ô tô vận tải phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: Không chuyên chở vật liệu quá trọng tải quy định, có phủ bạt, che chắn kín

không làm rơi vãi đất đá để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường; không vận chuyển vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm. Thực hiện nghiêm túc quy định hạn chế tốc độ di chuyển trong khu vực công trường.

- Hằng ngày tổ chức vệ sinh công nghiệp trên công trường vào cuối giờ làm việc, bảo đảm cho công trường luôn được gọn sạch.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được rửa bánh xe, vệ sinh sạch sẽ tránh vương vãi đất ra đường,...

- Sử dụng bê tông nhựa nóng từ các nhà thầu phụ có chức năng cung cấp đến tận nơi công trình.

4.2.2. Giai đoạn hoạt động: Đơn vị quản lý vận hành và chính quyền địa phương hướng dẫn, yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu lưu thông trên cầu, hai bên đường dẫn cầu phải phủ bạt kín thùng xe.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải từ quá trình phát thực bì: Toàn bộ các loại cây, hoa màu sẽ cho người dân tận dụng khai thác sử dụng; phần sinh khối thực vật còn lại chủ yếu là các cây bụi, cây cỏ,... sẽ được thu gom vận chuyển về bãi thải.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác (*loại 50 lít*) để thu gom, phân loại rác có khả năng tái chế như: chai nhựa, giấy, ... và cung cấp lại cho các cơ sở hoặc cá nhân thu gom tái chế, thực hiện thu gom trong ngày, rác thải thực phẩm vỏ, rau, củ, quả tận dụng làm nguồn phân cho các hộ dân trong khu vực. Đối với các rác thải khác sẽ được vận chuyển đến hố rác tạm thời tại khu vực lán trại để xử lý bằng biện pháp đốt (*kích thước dài x rộng x sâu = 2m x 1m x 1m*). Sau khi lò đốt rác thải sinh hoạt được đầu tư tại xã An Thịnh đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ thực hiện vận chuyển rác thải sinh hoạt ra điểm tập kết rác của xã Đại Phác để thuê đơn vị vận chuyển về lò đốt rác xã An Thịnh xử lý bảo đảm theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Bố trí công nhân để thu gom các loại chất thải rắn xây dựng phát sinh tại công trường; đối với các loại gạch vỡ, đá, gỗ,... và các vật liệu khác phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng trong khu vực dự án hoặc chuyển cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; chất thải khác thì thuê đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

- Đất đá thải: Tổng khối lượng đất đá thải phát sinh của dự án là 5.587,9m³. Khu vực đổ thải dự kiến là đất nuôi trồng thủy sản tại thôn Tân Thành, xã Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái do Ủy ban nhân dân xã Yên Phú quản lý, với diện tích 3.175m²; dung tích chứa 6.096m³. Vị trí bãi thải theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3⁰ như sau:

STT	Tọa độ theo Hệ VN 2000; kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)
1	2415395,03	490932,45
2	2415399,59	490936,99
3	2415411,58	490940,46
4	2415419,84	490939,58
5	2415425,99	490936,00
6	2415429,27	490933,59
7	2415436,41	490936,56
8	2415439,21	490939,91
9	2415440,41	490942,43
10	2415447,83	490933,02
11	2415448,48	490911,56
12	2415452,14	490898,78
13	2415454,96	490898,39
14	2415454,60	490883,18
15	2415454,99	490870,38
16	2415454,84	490867,89
17	2415442,16	490863,41
18	2415433,30	490860,22
19	2415426,53	490857,73
20	2415424,75	490861,23
21	2415419,01	490875,42
22	2415414,80	490888,62
23	2415409,47	490903,60
24	2415403,43	490914,24
25	2415400,04	490919,81

- Đối với tầng đất mặt: Toàn bộ khối lượng đất bóc tầng đất mặt được tập kết tại bên trái tuyến sau mô M2 từ cọc 16+3.3m -:- cọc 18-3.0m (diện tích $435,50m^2$, hiện trạng là đất lúa), bên phải tuyến từ cọc 20 đến cọc 26 giáp đường bê tông cũ (diện tích $1588,30m^2$, hiện trạng là đất lúa), ngã ba cuối tuyến bên trái tuyến từ cọc 35+5.35m -:- cọc TC2 (diện tích $456,50m^2$, hiện trạng là đất lúa).

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: Bùn đất nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, hồ ga; chất thải rắn phát sinh do sửa chữa mặt đường và hạ tầng giao thông, đơn vị quản lý vận hành phối hợp với chính quyền địa phương thu gom, vận chuyển vào đúng nơi quy định.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

Giai đoạn thi công xây dựng: Các nhà thầu bố trí khu lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích 10m² để thu gom, lưu giữ CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng thiết bị có mức phát thải ồn thấp, không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn > 70dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn > 55dBA để thi công vào ban đêm.

- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng ký chất lượng trước khi đưa vào sử dụng; tất cả các phương tiện khi đỗ ở hiện trường sẽ tắt động cơ nếu không thi công.

- Sử dụng các loại xe và máy móc đảm bảo tiêu chuẩn có giấy phép của cơ quan Đăng kiểm Việt Nam; thường xuyên bảo dưỡng các phương tiện, máy móc trong suốt quá trình thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn, chống rung, mũ bảo hiểm...cho công nhân.

4.5.2. Giai đoạn hoạt động: Quy định giới hạn tốc độ của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường dẫn và cầu. Theo dõi giám sát việc phát sinh ồn từ các phương tiện tham gia lưu thông trên cầu.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.6.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất lúa

- Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng 10.506,43m² đất trồng lúa. Chủ dự án thực hiện nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Chủ dự án lập phương án sử dụng tầng đất mặt khi thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để thực hiện dự án theo quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, Điều 68a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-

CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

4.6.2. Giảm thiểu tác động do sự cố tai nạn lao động

- Khu vực thi công hoặc những nơi nguy hiểm phải có chỉ dẫn, biển báo quy định về an toàn thi công công trình xây dựng; thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của cơ quan chức năng tại địa phương cũng như của Nhà nước về công tác bảo đảm an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ; xây dựng các bảng nội quy lao động, hướng dẫn vận hành máy móc, quy định nội bộ khai thác, vệ sinh môi trường....

- Khi thi công vào ban đêm phải thiết lập một hệ thống chiếu sáng cao áp đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho tất cả công nhân.

- Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp.

4.6.3. Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng, sạt lở, bồi lắng

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp dự án tập trung thi công vào mùa khô, lựa chọn giải pháp thi công phù hợp với điều kiện địa chất của từng khu vực thi công xây dựng các hạng mục công trình; thi công theo đúng thiết kế, bảo đảm an toàn không gây sạt lở bờ Ngòi Thia.

- Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công.

+ Xây dựng phương án phòng chống gió bão, thiên tai trước mùa mưa bão.

+ Theo dõi mực nước lên xuống của Ngòi Thia khi thi công để đảm bảo an toàn công trình.

+ Giám sát chặt chẽ hoạt động thi công hai bờ Ngòi Thia đảm bảo không xảy ra sụt lún, sạt trượt bờ từ hoạt động thi công cầu.

+ Cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại các điểm đổ thải để người dân tránh xa khu vực không an toàn...

4.6.4. Giảm thiểu tác động do xói lở và bồi tích bờ Ngòi Thia

- Trong quá trình thi công hạ thấp mức nước ngầm bằng các ống thoát; tạo rãnh thoát nước bên sườn và dưới chân cầu; kiểm soát và khống chế đất đá thải trên mái ta luy tràn xuống dòng chảy.

- Gia cố móng cầu hai bờ phía suối để tránh xói mòn; che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi; hạn chế đến mức tối thiểu việc đào bới bề mặt đất; bề mặt đắp hoặc đào được đầm chặt.

4.6.5. Giảm thiểu tác động trong quá trình thi công đến giao thông

- Nhà thầu phải tuân thủ các quy trình, quy định về an toàn cho các phương tiện giao thông trong quá trình thi công công trình. Đặc biệt cần phải có

biển báo an toàn trên tuyến đường thủy, đường bộ và thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống bão lũ.

- Xây dựng hệ thống biển báo, biển hướng dẫn, rào chắn,... trong phạm vi công trường và tại các vị trí kết nối đường công vụ với các tuyến đường xung quanh khu vực dự án.

- Thường xuyên bố trí người trực gác tại các điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông liên quan đến dự án.

4.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.7.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe, máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường trên các tuyến đường đoạn ra vào, ngã ba đường giao của dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường được hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, bình bột, xô, chậu để mức nước, cát...

4.7.2. Giai đoạn vận hành: Theo dõi, giám sát và cảnh báo các vị trí có nguy cơ bị nứt đứt gãy nhịp cầu, móng cầu. Trường hợp đứt gãy phải kịp thời khắc phục, cải tạo các nhịp cầu, móng cầu để đảm bảo giao thông đi lại trên cầu được thông suốt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát môi trường: Điểm đầu tuyến đoạn mở rộng gần khu dân cư; điểm cuối tuyến đoạn mở rộng gần khu dân cư.

- Thông số giám sát: Vi khí hậu (*nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió*); bụi lơ lửng(TSP), SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: Nước mặt tại suối Ngòi Thia đoạn thi công dự án.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, TOC, TSS, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), tổng phosphor TP; tổng Nitơ TN, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (*Bảng 1 và Bảng 2, Mức B*).

5.3. Giám sát nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát: Mẫu nước thải sau hố lắng tại bãi tập kết vật liệu.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

5.4. Giám sát chất thải rắn, CTNH

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.
- Tần suất: Hàng ngày.
- Vị trí giám sát: Khu vực tập lán công nhân, khu vực sửa chữa máy móc, khu vực bãi đổ thải.

5.5. Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lún, sạt lở bờ Ngòi Thia khu vực thi công.
- Tần suất: Thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

- Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

- Tổ chức thi công xây dựng theo đúng toạ độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sụt lở, sụt lún đất đá khu vực thi công, bãi thải; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra các hiện tượng sụt lở, sụt lún đất đá phải dừng ngay các hoạt động và khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo ĐTM; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo ĐTM.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Dự án.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường, xã hội (nếu có) nếu trong quá trình thực hiện dự án để xảy ra gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Lập phương án sử dụng tầng đất mặt và thực hiện nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

- Lập phương án đổ thải, trình Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên xem xét, chấp thuận vị trí đổ thải trước khi triển khai dự án theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 854/STNMT-BVMT ngày 25/4/2023 về việc hướng dẫn việc quản lý đổ thải trong quá trình thi công thực hiện các dự án trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Thực hiện đăng ký môi trường gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ dự án có thể lựa chọn đăng ký tại xã Đại Phác hoặc xã Yên Phú, huyện Văn Yên) trước khi vận hành chính thức. Bàn giao văn bản đăng ký môi trường cho đơn vị quản lý, vận hành công trình để thực hiện trong quá trình vận hành chính thức./.